

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 26 tháng 3 năm 2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Ân;
2. Bà Phạm Thị Thỏa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2020/TLST- HNGĐ ngày 27/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên Tòa số: 03/2021/QĐST-DS, ngày 10/3/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Hầu Mí S; Sinh năm: 1996; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mông; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Chị Vàng Thị T; Sinh năm: 1996; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mông; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 26/10/2020, bản tự khai ngày 05/11/2020 và tại phiên Tòa nguyên đơn anh Hầu Mí S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vàng Thị T chung sống cùng nhau từ tháng 5 năm 2013 cho đến ngày 09/01/2017 mới tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Lũng, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được hơn hai tháng cho đến ngày 29/3/2017

chị T bỏ nhà đi từ đó đến nay không có tin tức chị T ở đâu, làm gì. Anh S và gia đình hai bên đã tìm kiếm chị T nhiều lần nhưng đến nay vẫn không có kết quả, không có tin tức gì về chị T. Theo yêu cầu của anh S, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 02/2019/QĐST-VDS ngày 04/9/2019. Đến nay do vợ chồng đã không còn chung sống với nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Hầu Mí S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vàng Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Hầu Văn H, sinh ngày 16/3/2014, hiện đang ở cùng anh. Ly hôn anh S xin được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Vàng Thị T đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 02/2019/QĐST-VDS ngày 04/9/2019. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với chị Vàng Thị T nhưng chị T không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 09/12/2020 Công an xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Chị Vàng Thị T có hộ khẩu tại Thôn X, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang nhưng từ ngày 29/3/2017 cho đến nay chị T bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, nay không xác định được chị Vàng Thị T đang ở đâu, làm gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hầu Mí S, cho anh Hầu Mí S được ly hôn chị Vàng Thị T. Về con chung: Anh Hầu Mí S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Hầu Văn H, sinh ngày 16/3/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi, chị Vàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi

con. Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hầu Mí S.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn anh Hầu Mí S, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Hầu Mí S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vàng Thị T, nơi cư trú cuối cùng tại Thôn X, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên Tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Vàng Thị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hầu Mí S và chị Vàng Thị T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 09/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh Hầu Mí S và chị Vàng Thị T là hợp pháp.

[4] Bị đơn là chị Vàng Thị T đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 02/2019/QĐST-VDS ngày 04/9/2019.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Anh Hầu Mí S là chồng của chị Vàng Thị T là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với chị Vàng Thị T của anh Hầu Mí S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh Hầu Mí S xác nhận anh và chị Vàng Thị T có một con là Hầu Văn H, sinh ngày 16/3/2014, ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng; Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày 29/3/2017 chị T bỏ nhà đi đến nay cháu H vẫn trực tiếp sinh sống cùng bố là anh S, hiện nay chị T bỏ đi không có tin tức gì nên anh S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[8] Về tài sản, công nợ chung: Anh Hầu Mí S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của anh Hầu Mí S ngày 01/9/2020 vì anh S là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sinh sống ở xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hầu Mí S theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hầu Mí S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hầu Mí S được ly hôn với chị Vàng Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Hầu Văn H, sinh ngày 16/3/2014 cho anh Hầu Mí S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hầu Mí S.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã Phú Lũng huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Đoàn Ngọc Vĩnh**